

**100 USEFUL IRREGULAR VERBS  
(100 ĐỘNG TỪ BẤT QUI TẮC THƯỜNG DÙNG)**

N <sup>0</sup>	Infinitive	Past	Past Participle	Meaning	N <sup>0</sup>	Infinitive	Past	Past Participle	Meaning
1	be (am,is,are)	was, were	been	thì, là, ở	51	light	lighted	lit	thắp sáng
2	become	Became	become	trở nên	52	lose	lost	lost	đánh mất, lạc
3	begin	Began	begun	bắt đầu	53	make	made	made	làm, chế tạo
4	blow	Blew	blown	thổi	54	may	might		được phép, có lẽ
5	break	Broke	broken	bẻ, làm vỡ	55	meet	met	met	gặp
6	bring	Brought	brought	mang	56	must	had to		phải
7	build	Built	built	xây dựng	57	pay	paid	paid	trả tiền
8	burst	Burst	burst	nổ, nổ tung	58	put	put	put	đặt, để
9	buy	Bought	bought	mua	59	read	read	read	đọc
10	can	Could		có thể	60	ride	rode	ridden	cưỡi, đi (xe)
11	catch	Caught	caught	chụp, bắt	61	ring	rang	rung	rung, reo
12	choose	Chose	chosen	lựa chọn	62	rise	rose	risen	dâng lên
13	come	came	come	đến	63	run	ran	run	chạy
14	cost	cost	cost	trị giá	64	Say	said	said	nói
15	cut	cut	cut	cắt	65	See	saw	seen	nhìn thấy, thấy
16	do	did	done	làm	66	Sell	sold	sold	bán
17	draw	drew	drawn	vẽ	67	send	sent	sent	gởi
18	drink	drank	drunk	uống	68	Set	set	set	đặt, để
19	drive	drove	driven	lái xe	69	shake	shook	shaken	rung, lắc
20	eat	ate	eaten	ăn	70	shall	should		sẽ, nên
21	fall	fell	fallen	roi, té, ngã	71	shine	shone	shone	chiếu sáng
22	feed	fed	fed	cho ăn, nuôi	72	shoot	shot	shot	bắn, sút (bóng)
23	feel	felt	felt	cảm thấy	73	show	showed	shown	chỉ, cho xem
24	fight	fought	fought	chiến đấu	74	Shut	shut	shut	đóng lại
25	find	found	found	tìm thấy	75	Sing	sang	sung	hát
26	fly	flew	flown	bay	76	Sink	sank	sunk	chìm xuống
27	forget	forgot	forgotten	quên	77	Sit	sat	sat	ngồi
28	forgive	forgave	forgiven	tha thứ	78	sleep	slept	slept	ngủ
29	freeze	froze	frozen	đông lại, ướp	79	smell	smelt	smelt	ngửi
30	get	got	gotten	có được, trở nên	80	speak	spoke	spoken	nói
31	give	gave	given	cho, biếu, tặng	81	spend	spent	spent	tiêu, xài, trải qua
32	go	went	gone	đi	82	split	split	split	chẻ, nứt
33	grow	grew	grown	mọc, lớn lên	83	spread	spread	spread	trải ra, lan đi
34	hang	hung	hang	treo	84	stand	stood	stood	đứng
35	have	had	had	có	85	steal	stole	stolen	đánh cắp
36	hear	heard	heard	nghe, nghe thấy	86	strike	stroke	stricken	đánh, đình công
37	hide	hid	hidden	che giấu, ẩn nấp	87	sweep	swept	swept	quét
38	hit	hit	hit	đánh, đụng, va	88	swim	swam	swum	bơi
39	hold	held	held	cầm, tổ chức	89	take	took	taken	cầm lấy
40	hurt	hurt	hurt	làm đau, đau	90	teach	taught	taught	dạy
41	keep	kept	kept	giữ, giữ gìn	91	tear	tore	torn	xé rách
42	know	knew	known	biết	92	tell	told	told	kê lại, nói
43	lay	laid	laid	đặt, để (trứng)	93	think	thought	thought	nghĩ, suy nghĩ
44	lead	led	led	dẫn dắt, lãnh đạo	94	throw	threw	thrown	ném, quăng
45	lean	leant	leant	nghiêng, dựa vào	95	understand	understood	understood	hiểu
46	learn	learnt	learnt	học	96	wake	woke	waken	thức dậy
47	leave	left	left	rời đi, để lại	97	wear	wore	worn	mặc, mang, đội
48	lend	lent	lent	cho mượn	98	will	would		sẽ
49	let	let	let	để cho	99	win	won	won	thắng cuộc
50	lie	laid	lain	nằm	100	write	wrote	written	viết

- 1..... Easter
2. .... two weeks
3. .... my birthday
4. .... last summer
5. .... 1999
6. .... ten days
7. .... a few days
8. .... 1<sup>st</sup> April
9. .... a long time
10. .... 6 o'clock
11. .... yesterday
12. .... a few minutes
13. .... last autumn
- 14..... I arrived here
- 15..... last night
16. .... two days
17. .... the Second World War
- 18..... as long as I can remember
- 19..... three days
- 20.....my childhood
- 21..... ten years
- 22.....I was young
23. .... New Year's Eve
- 24..... Wednesday
- 25..... five seconds
- 26..... breakfast
- 27..... hundreds of years
- 28..... three years
- 29..... our last year at high school
- 30..... you left your last job
31. .... a month
32. .... you had your master's degree
- 33..... they were 5 years old
- 34..... we first met
- 35..... he was ten
- 36..... last Tuesday
- 37..... at least 6 months
- 38..... a hour today
- 39..... Christmas

1. She already (watch)..... this movie.
2. He (write)..... his report yet?
3. We (travel)..... to New York lately.
4. They (not give)..... his decision yet.
5. Tracy (not see) ....her friend for 2 years.
6. I (be) .....to London three times.
7. It (rain)... since I stopped my work.
8. This is the second time I (meet) him.
9. They (walk)..... for more than 2 hours.
10. ....you (get)..... married yet?

40.....the whole of my adult life

41..... my friend's party

42.....ages